1. ERCP:

* Endoscopic Retrograde Cholangio- Pacreaticgraphy: chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi
* Biến chứng:

+ Viêm tụy cấp 3-7%

+ chảy máu 2%

+ thủng tá tràng 1%

+viêm đường mật ngược dòng

+kẹt rọ

1. PTC, PTBD:

* PTC: Percutenuos Transhepatic Cholangiography: chụp đường mật xuyên gan qua da
* PTBD: Percutenuos Transhepatic Biliary Dranage: dẫn lưu đường mật xuyên gan qua da
* Biến chứng: chảy máu, chảy mật vào trong ổ bụng gây viêm phúc mạc mật

1. CEA: carcino embryonic antigen: kháng nguyên ung thư bào thai

bình thường < 10 ng/ml

1. CA 19.9: carcinoma antigen 19.9: kháng nguyên ung thư 19.9
2. HER2: human epidermal growth factor receptor 2 : thụ thể yếu tổ tang trưởng thượng bị người type 2

Xét nghiệm HER2 có 2 cách: hoá mô miễn dịch IHC và lai tạo hoá huỳnh quang FISH.

Theo khuyến cáo thì ung thư dạ dày thường được chẩn đoán ở giai đoạn tiến triển, xét nghiệm HER2 được khuyến cáo cho tất cả các bệnh nhân di căn, tiến triển ở giai đoạn chẩn đoán.

Trastuzumab là kháng thể đơn dòng kháng thụ thể HER2, liệu pháp này khiến bệnh tiến triển chậm hơn, phối hợp vs hoá trị cho kết quả tốt hơn.

1. AFP: alphafoeto protein , bình thường < 10 ng/ml
2. Các thuốc dung trong bệnh trĩ

Các loại thuốc uống hướng tĩnh mạch (Daflon, Ginkgo Forte,…) có thể làm giảm các triệu chứng bệnh trĩ (xếp loại B theo Y học chứng cứ). Các loại thuốc này thường là chọn lựa đầu tiên trong điều trị bệnh trĩ.- Thuốc tọa dược và kem bôi tại chỗ thường được phối hợp với thuốc uống. Chưa có công trình nào chứng minh tính hiệu quả được y học chứng cứ công nhận.

Thuốc điều trị táo bón: Khi điều trị, các thầy thuốc thường chú ý đến việc điều trị các rối loạn lưu thông ruột như tiêu chảy và táo bón. Các khuyến cáo khi sử dụng thuốc trị táo bón là nên dùng thuốc tạo khối phân (bulking agents) và tránh sử dụng các loại thuốc nhuận tràng (laxative) và thuốc xổ (purgative) vì sẽ làm tăng triệu chứng trĩ.

1. MSCT: multi slice computed tomography : xquang cắt lớp vi tính đa lớp cắt
2. MRCP: magnetic resonance cholangiopancreatogram: chụp cộng hưởng từ đường mật
3. EUS: endoscopic ultrasound : nội soi siêu âm
4. PET CT: positron emission tomography : chupk positron cắt lớp
5. EMR: Endoscopic Mucosal Resection: Cắt bỏ niêm mạc đường tiêu hóa qua nội soi
6. ESD: Endoscopic Submucosal Dissection: cắt dưới niêm mạc qua nội soi
7. Các kiểu nối ruột